

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày: 24-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thám và Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:01/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị L, sinh năm 1970 tại V tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ 01, Khối 07, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa:02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V và bà Đặng Thị G; chồng là Nguyễn Mạnh T; bị cáo có 05 người con; tiền án: có 01 tiền án: Ngày 13/9/1999 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đ xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985. Ngày 02/9/2000, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Đến nay bị cáo chưa chấp hành xong phần dân sự; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/6/2002 bị Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo đã chấp hành xong. Ngày 18/11/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo đã chấp hành xong; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2017 đến ngày 27/10/2017, bị tạm giam từ ngày 27/10/2017 đến nay; có mặt.

2. Cao Ngọc Z, sinh ngày 20/10/1990 tại P, Bình Định; nơi cư trú: Thôn S, xã X, huyện Y, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; trình độ văn hóa:08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Ngọc V và bà Lâm Thị F; vợ là Vũ Trường Yên N; bị cáo có 01

người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/12/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong; bị tạm giữ từ ngày 22/10/2017 đến ngày 25/10/2017, bị tạm giam từ ngày 25/10/2017 cho đến nay; có mặt.

3. Cao Thị Bích D, sinh ngày 13/8/1992 tại P, Bình Định; nơi cư trú: Tổ 2, phường I, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Ngọc Trọng và bà Lâm Thị Phụng; chồng là Nguyễn Hoàng P1; bị cáo có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 09/8/2006 bị Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, ngày 10/8/2008 bị cáo chấp hành xong; bị tạm giữ từ ngày 09/10/2017 đến ngày 18/10/2017 được thay đổi bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Đồng Nguyên S1, sinh năm 1981 tại H2, Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 07, xã E1, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Nguyên L1 và bà Lâm Thị Á (đều đã chết); vợ là Đinh Thị D1; bị cáo có 04 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/02/2008 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đ xử phạt 09 năm tù về tội “Giết người”. Ngày 30/8/2010, bị cáo được đặc xá, bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án; bị tạm giữ ngày 10/10/2017 đến ngày 19/10/2017, bị tạm giam từ ngày 19/10/2017 cho đến nay; có mặt.

5. Cao Thị Bích L2, sinh năm 1988 tại P, Bình Định; nơi cư trú: Tổ 1, phường I, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Ngọc V và bà Lâm Thị F; chồng là Huỳnh J; bị cáo có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 09/10/2017 đến ngày 19/10/2017 chuyển tạm giam cho đến ngày 15/11/2017 được thay đổi bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

* *Người bị hại:* Cù Thị Xuân C, sinh năm: 1972; trú tại: Tổ 6, phường T1, thị xã A, Gia Lai ; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Hoàng P1, sinh năm: 1980; trú tại: Tổ 2, phường I, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

2. Nguyễn Hoàng L3, sinh năm: 1993; trú tại Tổ 7, phường I, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt.

3. Lê Thanh Đ1, sinh năm: 1966; trú tại: Thôn 5, xã R, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. Vũ Trường Yên N, sinh năm: 1991; trú tại: Xóm 1A, thôn S, xã X, huyện P, tỉnh Bình Định, có mặt.

5. Văn Thị Phương T2, sinh năm: 1983; trú tại: Số 10, Nguyễn Thiếp, Tổ 14, phường T1, thị xã A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 08/10/2017, Phạm Thị L đi xe khách từ Đắc Lắc đến nhà Cao Ngọc Z ở thôn S, xã X, huyện P, tỉnh Bình Định để đòi nợ. Trên đường đi L điện thoại rủ Đồng Nguyên S1 đang ở Đắc Lắc cùng đến thị xã A. S1 đồng ý đi, nên điện thoại rủ Cao Thị Bích L2 đang ở B1 về thị xã A, L2 đồng ý. Sau đó, S1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47D1-299.74 đến thị xã A. Khoảng 16 giờ cùng ngày L, S1 đến thị xã A và thuê phòng số 413 Khách sạn Hương Bình 2 ở Tổ 06, phường I, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Thuê phòng xong, L đón xe khách đến nhà Z ở huyện P, tỉnh Bình Định, còn S1 ở lại chờ L2. Khi đến nhà Z, L lấy xe mô tô BKS 77H1- 26391 của gia đình Z để trừ nợ, Z đồng ý giao xe. L điều khiển xemô tôBKS 77H1-26391 chạy về thị xã A rồi điện thoại nói Z đến thị xã A viết giấy giao xe. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Z đến thị xã A được L dẫn vào phòng 413 viết giấy giao xe và ngủ lại đây.

Khoảng 06 giờ ngày 09/10/2017, Z đón xe khách về nhà, L điều khiển xe mô tô BKS 77H1-26391 đi đón L2 thì bị Cảnh sát giao thông Công an thị xã A tạm giữ xe do vượt đèn đỏ. L điện thoại cho S1 đón L2 còn mình quay về khách sạn trả phòng. S1 điều khiển xe mô tô BKS 47D1-29974 đến ngã tư Bưu điện thị xã A đón L2 rồi chở đến quán Cà phê Sam ba thuộc Tổ 7, phường T1, A uống nước. L trả phòng xong đi bộ đến quán Sam ba mượn tiền L2 và S1 nộp phạt nhưng S1 và L2 không có tiền, L nói: “ngồi đợi có gì điện thoại”.

Sau đó, L đi bộ đến Hoa viên Quang Trungthuộc Tổ 07, phường T1, thị xã A rồi gọi điện thoại cho Cao Thị Bích D nhờ D mượn xe mô tô và tìm người giúp xin lấy xe mô tô BKS 77H1-26391. D đồng ý rồi đến nhà Nguyễn Hoàng L3 là em chồng của D ở Tổ 7, phường I, thị xã A mượn xe mô tô BKS 81G1-01443 của L3 đưa cho L sử dụng. L điều khiển xe mô tô BKS 81G1-01443 đến Hoa viên Quang Trung, gọi điện thoại cho Z quay lại thị xã A làm thủ tục lấy xe mô tô BKS 77H1-26391.Khoảng 11 giờcùng ngày, Z đi xe khách đến Hoa viên Quang Trung gặp L nói chuyện một lúc thì Z điều khiển xe mô tô 81G1-01443 chạy vào Hội trường 23/3 (cũ) thuộc Tổ 3, phường T1, thị xã A đi vệ sinh. Một lúc sau, D điều khiển xe mô tô BKS 81F9-9177 đến gặp L. Cùng lúc này, chị Cù Thị Xuân C rút số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), loại tiền Polime mệnh giá 100.000đ, gồm ba xấp mỗi xấp 10.000.000đ tại Ngân hàng SacomBankChi nhánh Gia Lai-Phòng giao dịch A, rồi bỏ trong túi nilon kèm theo 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên chị C bỏ vào trongcốp yên xe mô tô BKS 81N1-3295 của chị C dựng trước sân Ngân hàng rồi điều khiển xe chạy ra đường Quang Trung. L quan sát thấy chị C bỏ tiền vào cốp xe thì nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền nên nói D điều khiển xe mô tô BKS 81F9-9177 chở L chạy theo xe C. Khi chạy gần xe chị C, L nói với D: “Trong cốp xe kia có tiền mày chở cô theo lấy”, D đồng ý chở L chạy theo xe chị C đồng thời L có điện thoại cho S1 nói chạy

xuống gần khách sạn Hương Bình 1 thuộc Tổ 06, phường T1, thị xã A gặp L. Nghe điện thoại của L, S1 điều khiển xe mô tô BKS 47D1-29974 chở L2 chạy xuống tìm L. Lúc này, chị C điều khiển xe chạy đến hiệu buôn Q số 573 Quang Trung, tổ 5, phường T1, thị xã A dựng xe tại vỉa hè vào trong mua ống nước thì D điều khiển xe mô tô BKS 81F9-9177 chở L vừa đến dừng xe gần xe chị C. L vào trong giả mua sơn nhằm quan sát chờ điều kiện thuận lợi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. S1 chạy đến thấy L và phán đoán L đang tìm cách trộm cắp tài sản nên S1 nói L2 vào trong mua giấy nhám nhằm chi phối sự chú ý quan sát của người bán hàng và của chị C. L2 đi vào một lúc thì S1 gọi L2 quay ra. Sau đó, L cùng đồng bọn thấy có đông người nên cùng nhau đi ra đường Quang Trung quan sát. L điện thoại cho Z điều khiển xe mô tô BKS 81G1- 01443 đến chở L. Quan sát thấy chị C điều khiển xe BKS 81N1-3295 chạy từ hiệu buôn Q vào đường Nguyễn Công Trứ thì D điều khiển xe mô tô BKS 81F9-9177 đi một mình, Z điều khiển xe mô tô BKS 81G1-01443 chở L, S1 điều khiển xe mô tô BKS 47D1-29974 chở L2 chạy theo sau, L2 thấy đồng bọn đi theo xe chị C thì biết đồng bọn đang đi trộm cắp tài sản nhưng vẫn tiếp tục tham gia.

Khi L và đồng bọn chạy theo sau xe mô tô chị C điều khiển đến ngã ba đường Nguyễn Công Trứ - Nguyễn Trãi thì thấy chị C điều khiển xe chạy vào nhà số 03 Nguyễn Trãi thuộc Tổ 6, phường T1, thị xã A. S1 chở L2 dừng lại tại ngã ba Nguyễn Công Trứ - Nguyễn Trãi, Z chở L chạy đến dừng xe trước nhà chị C, D cũng dừng xe trước cửa hàng vật liệu đá Granic đối diện nhà chị C. L nói với Z: “trong cốp xe kia có tiền, mày đỡ tao lấy”, Z đồng ý rồi đi lại xe chị C dùng hai tay bẻ cạnh, nâng cốp yên xe lên, L thò tay vào trong cốp lấy túi nylon bên trong có 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cùng chứng minh nhân dân của chị C rồi cất giấu trong người. Sau đó, Z điều khiển xe mô tô 81G1-01443 chở L chạy trên đường Nguyễn Trãi. Thấy vậy, S1 điều khiển xe chở L2 chạy theo xe Z còn D điều khiển xe chạy về nhà thuộc Tổ 02, phường I, thị xã A. Sau đó, L cùng đồng bọn điều khiển xe mô tô đến quán nước của bà Lê Thị T3 ở thôn A2, xã T3, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai. Trên đường đi L mở túi nylon ra xem thì thấy có 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nên khi vào quán L nói với Z, S1 và L2 là lấy được trong cốp xe 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho mỗi người 5.000.000đ, còn 5.000.000đ để L nộp phạt tại Công an giao thông thị xã A lấy xe, nghe vậy cả bọn đồng ý. L đưa cho Z 5.000.000đ; đưa cho L2 10.000.000đ và nói L2 đưa cho S1 5.000.000đ. Một lúc sau, D điều khiển xe mô tô đến quán nước gặp cả bọn thì L nói cho D biết trộm cắp được 30.000.000đ và đưa cho D 5.000.000đ. Chia tiền xong, tất cả quay lại thị xã A.

Nhận được đơn tố giác của chị C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã bắt khẩn cấp đối với Cao Thị Bích D, Cao Thị Bích L2 vào ngày 09/10/2017. Ngày 10/10/2017, bắt được Đồng Nguyên S1 tại phường A3, thị xã A. L biết L2, D và S1 bị bắt nên đưa cho Z thêm 5.000.000đ để lấy xe rồi L đi xe khách về Đăk Lăk. Z đi xe khách về P, Bình Định rồi bỏ trốn. Đến ngày 22/10/2017 và 24/10/2017, L và Z đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý vật chứng như sau:

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81N1-3295, số khung OX71053720, số máy MH07M01695 và 30.000.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, là tài sản của chị Cù Thị Xuân C nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại cho chị C;

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81G1-014.43, số khung 5C64549445, số máy 40BY549444 là của anh Nguyễn Hoàng L3, anh L3 không biết việc D, Z và L sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại cho anh L3;

- Đối với điện thoại di động hiệu SAMSUNG CE 0168 tạm giữ của L2, điện thoại di động NOKIA 1120 và 01 dùi đục bằng sắt dài 22,3cm tạm giữ của S1, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 3.600.000đ tạm giữ của D, qua điều tra xác minh những tài sản này không L2 quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại cho chủ sở hữu;

- Đối với 01 bình xịt BX4 của Đồng Nguyên S1 không L2 quan đến vụ án và không có giá trị sử dụng nên cơ quan điều tra đã chuyển xử lý hành chính.

- Đối với: Túi ni lông dùng đựng tiền và chứng minh nhân dân của chị Cù Thị Xuân C, bị cáo L khai nhận đã ném tại lề đường Nguyễn Trãi đoạn trước Hoa viên Quang Trung thuộc tổ 7, phường T1, thị xã A, Gia Lai và tại lề đường đoạn đầu cầu Suối Tre thuộc tổ 8, phường A3, thị xã A, Gia Lai, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Các vật chứng chưa xử lý gồm:

- Chiếc điện thoại Nokia 1280 – IMEL 351876/02/771570/8 bên trong có lắp sim Vinaphone mặt sau có số 89840, 20001, 05612, 95445; 01 chiếc khẩu trang màu vàng, một đôi găng tay cao su màu vàng nhạt, một đôi găng tay len sọc trắng, 01 chiếc ba lô màu đen có quai đeo tạm giữ của L2;

- Chiếc điện thoại Nokia 1280- IMEL 355862/01/607515/6 bên trong có lắp sim MobiPhone mặt sau có số 840,1511,5228,3417 và xe mô tô BKS 47D1-299.74, số khung 0610GY244640, số máy G3D4E257544 tạm giữ của S1;

- 01 chiếc mũ bảo hiểm lưỡi trai màu trắng có hoa văn hình bông hoa màu tím, 01 áo khoác Jean nữ màu xanh, 01 bộ đồ vải thun màu nâu, điện thoại Nokia 1034 – IMEL1: 356004080442488, IMEL2 356004080442496 bên trong có lắp sim MobiPhone mặt sau có số 8401,1708,3328,0702; xe mô tô BKS 81F9-9177, số khung 10000677581, số máy FMG00676681 tạm giữ của D.

Tại Bản cáo trạng số: 01/CTr-VKS ngày 01/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố các bị cáo Phạm Thị L, Cao Ngọc Z, Cao Thị Bích D, Đồng Nguyên S1 và Cao Thị Bích L2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Thị L, Cao

Ngọc Z, Cao Thị Bích D, Đồng Nguyên S1 và Cao Thị Bích L2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 đối với các bị cáo Phạm Thị L, Cao Ngọc Z, Cao Thị Bích D, Đồng Nguyên S1 và Cao Thị Bích L2; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Thị L; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Cao Ngọc Z; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Cao Thị Bích D; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đồng Nguyên S1; điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Cao Thị Bích L2;

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị L từ 24 đến 28 tháng tù; xử phạt bị cáo Cao Ngọc Z từ 18 đến 22 tháng tù; xử phạt bị cáo Cao Thị Bích D từ 14 đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo Đồng Nguyên S1 từ 09 đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Cao Thị Bích L2 từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Trả lại cho bị cáo Cao Thị Bích L2 01 điện thoại Nokia 1280 – IMEL 351876/02/771570/8 bên trong có lắp sim Vinaphone mặt sau có số 89840, 2001, 05612, 95445, 01 khẩu trang màu vàng, 01 đôi găng tay cao su màu vàng nhạt, 01 đôi găng tay len sọc trắng, 01 ba lô màu đen có quai đeo;

- Trả lại cho bị cáo Đồng Nguyên S1: 01 điện thoại Nokia 1280- IMEL 355862/01/607515/6 bên trong có lắp sim MobiPhone mặt sau có số 8401.1511.5228.3417;

- Trả lại cho bị cáo Cao Thị Bích D: 01 điện thoại Nokia 1034 - IMEL1:356004080442488, IMEL2 356004080442496 bên trong có lắp sim MobiPhone mặt sau có số 8401.1708.3328.0702, 01 mũ bảo hiểm lưỡi trai màu trắng có hoa văn hình bông hoa màu tím, 01 áo khoác Jean nữ màu xanh, 01 bộ đồ vải thun màu nâu;

- Trả lại cho anh Nguyễn Hoàng P1 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81F9-9177, số khung 10000677581, số máy FMG00676681 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe;

- Trả lại cho ông Lê Thanh Đ1 chiếc xe mô tô BKS 47D1-299.74, số khung 0610GY244640, số máy G3D4E257544 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe.

Tại phiên tòa người bị hại Cù Thị Xuân C trình bày: Vào khoảng 10 giờ 40 phút ngày 09/10/2017 chị có đến Ngân hàng Sacombank Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch A để rút số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Sau đó, chị đến hiệu buôn Q để mua 01 cuộn ống nước, rồi đi về nhà. Khi về đến nhà tại số 03 Nguyễn Trãi thuộc tổ 6, phường T1, thị xã A, tỉnh Gia Lai chị dừng xe trước hè rồi cắt cuộn ống nước vào trong nhà. Sau đó chị phát hiện bị mất số tiền để

trong cốp xe nên chị đã làm đơn báo Công an thị xã A. Trong quá trình điều tra chị đã nhận lại số tiền 30.000.000đ. Chị yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 09/10/2017, sau khi phát hiện chị Cù Thị Xuân C rút tiền tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch A rồi bỏ tiền vào cốp xe mô tô BKS 81N1-3295, bị cáo Phạm Thị L đã lôi kéo đồng phạm đi theo chị C đến hiệu buôn Q nhằm tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Trên đường đi theo chị C, L điện thoại cho Đồng Nguyên S1 chở Cao Thị Bích L2 cùng đến. Sau khi đến S1 nói L2 vào hiệu buôn Q giả vờ mua hàng nhằm đánh lạc hướng người xung quanh. Khi không chiếm đoạt được tài sản, L điện thoại cho Z đến rồi cùng với D, S1, L2 tiếp tục đi theo chị C đến nhà ở số 03 Nguyễn Trãi thuộc tổ 6, phường T1, thị xã A. Tại đây, Z và L lén lút móc cốp xe mô tô của chị C chiếm đoạt số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) còn D, S1 và L2 đứng ngoài cảnh giới. Vì vậy, đã đủ cơ sở tuyên bố các bị cáo Phạm Thị L, Cao Ngọc Z, Cao Thị Bích D, Đồng Nguyên S1 và Cao Thị Bích L2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[3] Về áp dụng pháp luật: Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 và các quy định tương ứng của Bộ luật Hình sự 2015 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, mặt khác mức hình phạt về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999 bằng mức hình phạt về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Các bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000đ nhưng dưới 50.000.000đ nên đã vi phạm vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Đồng Nguyên S1 không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo Đồng Nguyên S1 cùng với các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Trong quá trình điều tra, các bị cáo Phạm Thị L, Cao Ngọc Z tự nguyện nộp lại Z bộ số tiền đã chiếm đoạt để trả lại cho người bị hại; bị cáo Đồng Nguyên S1 và bị cáo Cao Thị Bích L2 đã tác động gia đình nộp lại một phần số tiền chiếm đoạt được của người bị hại mà các bị cáo đã tiêu xài. Vì vậy, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Phạm Thị L, Cao Ngọc Z, Đồng Nguyên S1 và bị cáo Cao Thị Bích L2.

Đối với các bị cáo Cao Thị Bích D và Cao Thị Bích L2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Thị L, Cao Ngọc Z sau khi tội phạm bị phát hiện đã ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo Cao Thị Bích L2 khi phạm tội đang mang thai nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm l khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Thị L, Cao Ngọc Z, Đồng Nguyên S1 trước khi phạm tội đã bị kết án. Trong đó bị cáo Cao Ngọc Z, Đồng Nguyên S1 đã được xóa án tích. Đối với bị cáo Phạm Thị L đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm”, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Đánh giá về vai trò, mức độ tham gia và việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo nên không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức. Trong đó, bị cáo Phạm Thị L đóng vai trò chính, bị cáo là người khởi xướng và cũng là người thực hành tích cực. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã 03 lần bị Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Tiếp theo là bị cáo Cao Ngọc Z là người thực hành tích cực, bị cáo là người nâng yên xe để bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo Cao Thị Bích D là người giúp sức, điều khiển xe chở bị cáo L đi thực hiện hành vi trộm cắp. Cuối cùng là Đồng Nguyên S1 và Cao Thị Bích L2, mặc dù không được trao đổi, bàn bạc nhưng khi nhận thức rõ việc các bị cáo khác đang thực hiện các hành vi để trộm cắp tài sản bị cáo Đồng Nguyên S1 và bị cáo Cao Thị Bích L2 đã tham gia nhằm hỗ trợ, giúp sức cho các bị cáo khác và nhận một phần số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt được.

Trên cơ sở đánh giá vai trò, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, các đặc điểm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với tất cả các bị cáo. Trong đó, xét bị cáo Cao Thị Bích L2 tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thứ yếu nhất; bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nghề nghiệp và nơi cư trú rõ ràng nên cho bị cáo được hưởng án treo cũng tác dụng giáo dục và răn đe.

[7] Về dân sự: Người bị hại Cù Thị Xuân C đã nhận lại số tiền bị mất và không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về vật chứng:

Đối với: 01 điện thoại Nokia 1280 – IMEL 351876/02/771570/8 bên trong có lắp sim Vinaphone mặt sau có số 89840. 2001. 05612. 95445, 01 khẩu trang màu vàng, 01 đôi găng tay cao su màu vàng nhạt, 01 đôi găng tay len sọc trắng, 01 ba lô màu đen có quai đeo của bị cáo Cao Thị Bích L2; 01 điện thoại Nokia 1280- IMEL 355862/01/607515/6 bên trong có lắp sim MobiPhone mặt sau có số 8401.1511.5228.3417 của Đồng Nguyên S1; 01 điện thoại Nokia1034 - IMEL1:356004080442488,IMEL2 356004080442496 bên trong có lắp sim MobiPhone mặt sau có số 8401.1708.3328.0702, 01 mũ bảo hiểm lưỡi trai màu trắng có hoa văn hình bông hoa màu tím, 01 áo khoác Jean nữ màu xanh, 01 bộ đồ vải thun màu nâu của bị cáo Cao Thị Bích D. Các tài sản này không L2 quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81F9-9177, số khung MG10000677581, số máy LC150FMG00676681 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là tài sản của anh Nguyễn Hoàng P1, khi D sử dụng xe mô tô để chở L thì anh P1 không biết nên trả lại xe cho anh P1.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47D1-299.74, số khung RLC0G0610GY244640, số máy G3D4E257544 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là tài sản của ông Lê Thanh Đ1 nên trả lại cho ông Lê Thanh Đ1.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự 1999 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 33; các điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Phạm Thị L, Cao Ngọc Z, Cao Thị Bích D, Cao Thị Bích L2 và Đồng Nguyên S1; Áp dụng thêm

điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Phạm Thị L, Cao Ngọc Z, Đồng Nguyên S1 và Cao Thị Bích L2; Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Cao Thị Bích D, Cao Thị Bích L2; áp dụng thêm điểm l khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Cao Thị Bích L2; áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phạm Thị L;

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị L, Cao Ngọc Z, Cao Thị Bích D, Cao Thị Bích L2 và Đồng Nguyên S1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 24/10/2017).

Xử phạt bị cáo Cao Ngọc Z 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 22/10/2017).

Xử phạt bị cáo Cao Thị Bích D 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào trại chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09/10/2017 cho đến ngày 18/10/2017.

Xử phạt bị cáo Đồng Nguyên S1 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 10/10/2017).

Xử phạt bị cáo Cao Thị Bích L2 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 24/4/2018).

Giao bị cáo Cao Thị Bích L2 cho Ủy ban nhân dân phường I, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Cao Thị Bích L2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Cao Thị Bích L2: 01 điện thoại Nokia 1280 – IMEL 351876/02/771570/8 bên trong có lắp sim Vinaphone mặt sau có số 89840, 2001, 05612, 95445; 01 khẩu trang màu vàng; 01 đôi găng tay cao su màu vàng nhạt, 01 đôi găng tay len sọc trắng; 01 ba lô màu đen có quai đeo;

Trả lại cho bị cáo Cao Thị Bích D: 01 điện thoại Nokia 1034 - IMEL1:356004080442488, IMEL2 356004080442496 bên trong có lắp sim MobiPhone mặt sau có số 8401,1708,3328,0702; 01 mũ bảo hiểm lưỡi trai màu trắng có hoa văn hình bông hoa màu tím; 01 áo khoác Jean nữ màu xanh; 01 bộ đồ vải thun màu nâu;

Trả lại cho bị cáo Đồng Nguyên S1: 01 điện thoại Nokia 1280- IMEL 355862/01/607515/6 bên trong có lắp sim MobiPhone mặt sau có số 8401,1511,5228,3417;

Trả lại cho anh Nguyễn Hoàng P1: 01 xe mô tô BKS 81F9-9177, số khung MG10000677581, số máy LC150FMG00676681 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

Trả lại cho ông Lê Thanh Đ1; 01xemô tô BKS 47D1-299.74, số khung RLC0G0610GY244640, số máy G3D4E257544 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Thị L, Cao Ngọc Z, Cao Thị Bích D, Cao Thị Bích L2 và Đồng Nguyên S1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (24/4/2018), bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ L2 đến vụ án có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ L2 quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tứ Hải

